TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 / 5 / 2023.
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ
  2. Bà Lương Thị Kim Nhung
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá không tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thanh Lam.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc "Xin ly hôn, nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc H (Cò)**, sinh năm 1991 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 39A Điện Biên Ph, phường V Qu, Rạch Giá, Kiên Giang.
Bị đơn: Bà **Phạm Yến N**, sinh năm 2001 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 39A Điện Biên Ph, phường V Qu, Rạch Giá, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:** Tôi và bà N chung sống với nhau từ năm 2019 có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Quang vào ngày 13/7/2019. Ban đầu cuộc sống vợ chồng tôi rất hạnh P dần dần tình cảm vợ chồng ngày càng mờ nhạt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống do bà N làm ăn bên ngoài lén lút, không bàn bạc với ông H, vợ chồng Nều lần xảy ra mâu thuẫn, xung đột gay gắt về vấn đề tài chính trong gia đình, không quan tâm đến gia đình chồng, con, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên tôi làm đơn này xin được ly hôn với bà N.

Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 18/9/2020. Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn bà Phạm Yến N:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Yến N vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp xin ly hôn". Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn bà Phạm Yến N Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Yến N nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/7/2019, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H và bà N không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh P. Cụ thể, tại phiên tòa ông H trình bày nguyên nhân là do bà N làm ăn bên ngoài lén lút, không bàn bạc với ông H, vợ chồng Nều lần xảy ra mâu thuẫn,

xung đột gay gắt về vấn đề tài chính trong gia đình, không quan tâm đến gia đình chồng, con. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, hiện nay tình cảm vợ chồng bà không còn nữa, ông và bà N đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay vẫn không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H được ly hôn với bà N.

Về quan hệ con chung: Ông H xác định quá trình chung sống ông và bà N có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 18/9/2020. Ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 18/9/2020 đến nay là dưới 36 tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 con dưới 36 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Tuy Nên, bà N đã bỏ gia đình đi làm ăn xa từ tháng 6/2022 cho đến nay, cháu P do ông H trực tiếp nuôi dưỡng từ khi bà N và ông H sống ly thân cho đến nay, cháu P vẫn được ông H chăm sóc tốt, để không làm ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông H là hoàn toàn phù hợp. Ông H không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn bà Phạm Yến N, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu bà N có tranh chấp về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì bà N có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Phạm Yến N.

Tuyên bố ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn với bà Phạm Yến N.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 18/9/2020 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phạm Yến N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004917 ngày 26/12/2022 nên ông H không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG
---ᘓ✪ᘒ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P
---ᘓ✪ᘒ---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…….giờ…….phút ngày 30 tháng 5 năm 2023

Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà **Phạm Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Mỹ** và bà **Lương Thị Kim Nhung**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 27/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 39 Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Quang, Rạch Giá, Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Phạm Yến N**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Số 39 Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Quang, Rạch Giá, Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Phạm Yến N.

Tuyên bố ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn với bà Phạm Yến N.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 18/9/2020 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phạm Yến N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004917 ngày 26/12/2022 nên ông H không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi…….giờ…….phút ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**